

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Biên bản họp ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc thông qua các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ sửa đổi, bổ sung năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng TC-HC, Đào tạo, Tài vụ; Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCLGD, trưởng các khoa, Viện trưởng Viện CNTT và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: TC-HC, ĐT, KT&ĐBCLGD (6).



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Huy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1580/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 15 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Việt Nam

Tiếng Anh: Vietnamese Language

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Việt Nam

Mã số: 8220102

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam

Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: có thể học lên trình độ tiến sĩ về Ngôn ngữ Việt Nam

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 7/2022

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng nghiên cứu giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề để triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Ngôn ngữ Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp.
M2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ học nói chung, Ngôn ngữ Việt Nam nói riêng.
M3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
M4	Phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ Việt Nam nói riêng.
M5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ Việt Nam nói riêng.
M6	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ học và Ngôn ngữ Việt Nam.

Mã	Mô tả
M7	Phát triển năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về lĩnh vực ngôn ngữ học và Ngôn ngữ Việt Nam.
M8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Mã	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, đoàn kết, cầu thị, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Việt Nam nói riêng.
C5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được đào tạo và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để thực hiện các nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ Việt Nam.
C6	Cập nhật các thành tựu và xu hướng nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ Việt Nam nói riêng.
C7	Xác định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực được đào tạo, vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.
C8	Phổ biến kết quả nghiên cứu trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành ngôn ngữ học.
C9	Tư vấn, tổ chức, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học.
C10	Tổ chức hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành ngôn ngữ học.
C11	Tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học về lĩnh vực ngôn ngữ học.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x		x	x			x	x
C2	x		x	x	x		x	
C3				x	x	x		x
C4		x	x	x	x		x	
C5		x	x	x		x		
C6		x		x	x	x		x
C7		x		x		x		x
C8				x	x	x		
C9						x	x	

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C10					x		x	
C11					x	x		

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	9
I.1	Triết học	4
I.2	Tiếng Anh	5
II	Kiến thức cơ sở	14
II.1	Bắt buộc	8
II.2	Tự chọn	6
III	Kiến thức chuyên ngành	14
III.1	Bắt buộc	8
III.2	Tự chọn	6
IV	Nghiên cứu khoa học	24
IV.1	Các chuyên đề nghiên cứu	12
IV.2	Luận văn tốt nghiệp	12
	TỔNG	61

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập; Có trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

* Danh mục ngành phù hợp: Ngôn ngữ học, Sư phạm Ngữ văn.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo với tổng khối lượng 37 tín chỉ (không tính các chuyên đề nghiên cứu).

- Hoàn thành 03 chuyên đề nghiên cứu, mỗi chuyên đề nghiên cứu có khối lượng 04 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu trong thời gian ít nhất 06 tháng, kết quả được thể hiện bằng luận văn.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá chuyên đề nghiên cứu

Các chuyên đề nghiên cứu được đánh giá bởi hội đồng chuyên môn. Điểm của một chuyên đề nghiên cứu là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng theo

thang điểm 10; Chuyên đề được xếp loại Đạt khi điểm chuyên đề lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm.

6.2.4. Đánh giá luận văn

Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận văn. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; Luận văn được xếp loại Đạt khi điểm luận văn lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I. Khối kiến thức chung			9					
2.	Triết học	PHIL502	4	42	36			122
2.	Tiếng Anh	ENGL503	5	45		60		145
II. Khối kiến thức cơ sở			14					
II.1. Bắt buộc			8					
3.	Thi pháp học	LITE551	2	15	30			55
4.	Ngôn ngữ và văn học	LITE552	2	15	30			55
5.	Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học	LITE553	2	15	30			55
6.	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	LITE554	2	15	30			55
II.2. Tự chọn (chọn 3 trong 9 học phần)			6					
7.	Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM521	2	15	30			55
8.	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	LLTM522	2	15	30			55
9.	Tiếp nhận văn học	LLTM523	2	15	30			55
10.	Những vấn đề lí luận của văn học so sánh	LLTM524	2	15	30			55
11.	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam	LLTM525	2	15	30			55
12.	Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945	LLTM526	2	15	30			55
13.	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975	LLTM527	2	15	30			55
14.	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng	LLTM528	2	15	30			55

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
15.	Ngôn ngữ nghệ thuật	LLTM529	2	15	30			55
III. Khối kiến thức chuyên ngành			14					
III.1. Bắt buộc			8					
16.	Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	VILA541	2	15	30			55
17.	Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt	VILA542	2	15	30			55
18.	Những vấn đề thời sự của ngữ dụng học	VILA543	2	15	30			55
19.	Phong cách học - Những vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt	VILA544	2	15	30			55
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong 10 học phần)			6					
20.	Việt ngữ học đại cương	VILA551	2	15	30			55
21.	Cú pháp tiếng Việt	VILA552	2	15	30			55
22.	Nghĩa học Việt ngữ	VILA553	2	15	30			55
23.	Cấu tạo từ và vấn đề dạy học cấu tạo từ ở trường phổ thông	VILA554	2	15	30			55
24.	Dẫn luận ngữ pháp chức năng	VILA555	2	15	30			55
25.	Phân tích diễn ngôn	VILA556	2	15	30			55
26.	Độc hiểu văn bản trong nhà trường	VILA557	2	15	30			55
27.	Một số khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại	VILA558	2	15	30			55
28.	Thành ngữ học	VILA559	2	15	30			55
29.	Ẩn dụ, hoán dụ ý niệm trong tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn.	VIL 560	2	15	30			55
IV. Nghiên cứu khoa học			24					
IV.1. Các chuyên đề nghiên cứu			12					
	Chuyên đề nghiên cứu 1		4					200
	Chuyên đề nghiên cứu 2		4					200
	Chuyên đề nghiên cứu 3		4					200
IV.2. Luận văn tốt nghiệp			12					
TỔNG CỘNG:			61					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
PHIL502	T				I		I				
ENG 503			T		I	I		I			

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
LITE551		T		T							
LITE552		T	T			U					
LITE553		T			T						
LITE554		T			T						
LLTM521		T			T						
LLTM522		T			T						
LLTM523		T		T							
LLTM524		T		T							
LLTM525		T			T						
LLTM526		T			T						
LLTM527		T			T						
LLTM528		T	T				T				I
LLTM529		T	T			U		I			
VILA541		T					T				I
VILA542		T					T				I
VILA543		T					T				I
VILA544		T					T				I
VILA551		T					T		I		
VILA552		T					T	I			
VILA553		T					T				I
VILA554		T					T			I	
VILA555		T					T			I	
VILA 556		T					T			I	
VILA557		T					T			I	
VILA558		T					T			I	
VILA559		T							T		I
VILA560		T							T		I
Chuyên đề nghiên cứu 1	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 2	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 3	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Luận văn tốt nghiệp	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I	II		
		1	2	3	4
	Các học phần chung				
PHIL502	Triết học	4			
ENGL503	Tiếng Anh	5			
Tổng cộng kỳ 1		9			
	Các học phần cơ sở				
	Bắt buộc		8		
LITE551	Thi pháp học		2		

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I	II		
		1	2	3	4
LITE552	Ngôn ngữ và văn học		2		
LITE553	Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học		2		
LITE554	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường		2		
	Tự chọn (Chọn 3 trong 9 học phần)		6		
LLTM521	Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông		2		
LLTM522	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông		2		
LLTM523	Tiếp nhận văn học		2		
LLTM524	Những vấn đề lý luận của văn học so sánh		2		
LLTM525	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam		2		
LLTM526	Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945		2		
LLTM527	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975		2		
LLTM528	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng		2		
LLTM529	Ngôn ngữ nghệ thuật		2		
Tổng cộng học kỳ 2			14		
	Các học phần chuyên ngành				
	Bắt buộc			8	
VILA541	Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt			2	
VILA542	Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt			2	
VILA543	Những vấn đề thời sự của ngữ dụng học			2	
VILA544	Phong cách học - Những vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt			2	
	Tự chọn (Chọn 3 trong 10 học phần)			6	
VILA551	Việt ngữ học đại cương			2	
VILA552	Cú pháp tiếng Việt			2	
VILA553	Nghĩa học Việt ngữ			2	
VILA554	Cấu tạo từ và vấn đề dạy học cấu tạo từ ở trường phổ thông			2	
VILA555	Dẫn luận ngữ pháp chức năng			2	
VILA556	Phân tích diễn ngôn			2	
VILA557	Đọc hiểu văn bản trong nhà trường			2	
VILA558	Một số khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại			2	
VILA559	Thành ngữ học			2	
VILA560	Ẩn dụ, hoán dụ ý niệm trong tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn			2	
Tổng cộng học kỳ 3				14	
	Chuyên đề nghiên cứu 1				4
	Chuyên đề nghiên cứu 2				4
	Chuyên đề nghiên cứu 3				4
	Luận văn tốt nghiệp				12
Tổng cộng học kỳ 4					24

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh (5 tín chỉ)

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B2 (tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Thi pháp học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như: một số vấn đề cơ bản của thi pháp học hiện đại (quan niệm, đối tượng, cách tiếp cận đặc trưng; phân biệt thi pháp học với phong cách học, lí luận văn học); những khuynh hướng nghiên cứu và thành tựu của thi pháp học (Thi pháp học khái quát, Thi pháp học mô tả, Thi pháp học lịch sử); Tiềm năng và những giới hạn của thi pháp học. Học phần này cung cấp một hướng giải mã văn bản văn học, do đó nó có mối quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.4. Ngôn ngữ và văn học (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mĩ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mĩ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Môn học này có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật, Phong cách học - Những vấn đề từ lí thuyết đến thực tiễn tiếng Việt, Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*.

8.5. Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức khoa học về phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học. Từ đó, người học có thể ứng dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy cụ thể tác gia, tác phẩm, đặc biệt là các tác phẩm văn học được giảng dạy trong trường phổ thông. Học phần này học phần *Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.6. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường (02 tín chỉ)

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với các nghiên cứu quốc tế về chương trình Ngữ văn, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học... Đồng thời giúp học viên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình nghiên cứu và học tập của chuyên ngành. Học phần có mối quan hệ gần gũi với các học phần chuyên ngành lí luận và PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt.

8.7. Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần này có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo cao học Lí luận văn học bởi thực tiễn đã cho thấy đại bộ phận học viên cao học ngữ văn trong các trường ĐHSP là GV phổ thông và SVSP mới tốt nghiệp. Ở trình độ đại học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề Lí luận văn học. Khi học cao học, học viên sẽ tiếp tục được ứng dụng các lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn. Từ đó, người học có thể phát triển chương trình học phần, thiết kế các nội dung giảng dạy và hiểu được cách thức, phương pháp giảng dạy nội dung đó. Học phần này thể hiện sự ứng dụng cụ thể của lí thuyết lí luận văn học vào thiết kế và dạy học Ngữ văn, do đó, nó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lí luận văn học khác và những học phần thuộc về phương pháp giáo dục như: *Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại và Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*.

8.8 Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trên cơ sở so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập, Chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn,...*

8.9. Tiếp nhận văn học (2 tín chỉ)

Học phần này đi vào một phần lí thuyết hiện đại của lí luận văn học là mĩ học tiếp nhận. Trước đây, người ta chưa nhận thức đúng mức vai trò của người đọc trong hoạt động văn học, tuy nhiên khi lí thuyết tiếp nhận ra đời và được ứng dụng, vai trò của người đọc đã được nâng lên một tầm mức mới. Lúc này, nghiên cứu văn học được định hình như là những cách đọc xuất phát từ những lí thuyết khác nhau mà mỗi lí thuyết là một cách nhìn về tác phẩm. Ở trình độ đại học, sinh viên đã được giới thiệu sơ lược một số vấn đề về Tiếp nhận văn học trong đó nhấn trọng tâm vào phương pháp tiếp nhận. Ở trình độ thạc sĩ, người học có điều kiện đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề của lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại và cách ứng dụng lí thuyết này vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học. Học phần này quan tâm đến sự giải mã văn

học của người đọc, do đó nó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lí luận văn học như *Thi pháp học*, *Những vấn đề lí luận của văn học so sánh* và các học phần văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, ngôn ngữ trong chương trình như *Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông*, *Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945*, *Ngôn ngữ nghệ thuật*...

8.10. Những vấn đề lí luận của văn học so sánh (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức mang tính lí luận về văn học so sánh như: Lịch sử ra đời, những quan niệm về văn học so sánh; mục đích, đối tượng, phạm vi... của văn học so sánh; Những vấn đề lí luận và thực tiễn đang tồn tại của văn học so sánh trên thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, học viên có những hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của văn học so sánh - một hướng nghiên cứu văn học có khả năng ứng dụng cao. Học phần này quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.11. Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần nhấn mạnh những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học*, *Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*...

8.12. Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 (2 tín chỉ)

Học phần này tiếp tục mở rộng, đào sâu những vấn đề về văn xuôi Việt Nam 1930-1945 mà SV ngành Sư phạm Ngữ văn đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là:

- Bổ sung, cập nhật những nội dung lý thuyết về văn xuôi hiện đại Việt Nam nói chung và văn xuôi 1930-1945 nói riêng.
- Đào sâu, phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930-1945.
- Nâng cao hơn nữa trình độ nghiên cứu và giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện đại trong trường THPT.

Sau khi học học phần này, học viên Cao học sẽ phát triển được các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học*, *Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*,...

8.13. Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975 (2 tín chỉ)

Học phần này nghiên cứu mở rộng, chuyên sâu những vấn đề về thơ Việt Nam mà học viên đã được trang bị ở bậc Đại học. Cái mới của học phần này ở trình độ đào tạo Thạc sĩ là:

- Bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ.

- Nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy phần thơ Việt Nam giai đoạn 1945-1975 trong chương trình Ngữ văn ở trường THPT.

Sau khi học học phần này, học viên Cao học sẽ phát triển được những kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.14. Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào một số nội dung có tính thời sự trong đời sống ngôn ngữ - xã hội ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay, đó là vấn đề ngôn ngữ trong giáo dục (dạy-học tiếng mẹ đẻ, ngoại ngữ; vấn đề lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy trong môi trường đa ngữ; vấn đề kế hoạch hoá ngôn ngữ trong giảng dạy; chính sách ngôn ngữ trong giáo dục v.v); vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong đời sống xã hội (sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng); vấn đề dịch, từ điển học, bệnh lí ngôn ngữ; quan hệ giữa ngôn ngữ và luật pháp (ngôn ngữ học hình sự). Từ những tri thức này, người học có thể vận dụng vào hoạt động giảng dạy hoặc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng nói riêng. Môn học có quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam như *Ngôn ngữ và văn học*.

8.15. Ngôn ngữ nghệ thuật (2 tín chỉ)

Học phần *Ngôn ngữ nghệ thuật* cung cấp cho học viên Cao học chuyên ngành Ngôn ngữ học các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lí thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lí thuyết tín hiệu học và lí thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lí học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như *Ngôn ngữ và văn học, Phong cách học - Những vấn đề từ lí thuyết đến thực tiễn tiếng Việt*.

8.16. Những vấn đề cơ bản của Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại và toàn diện về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (cấu tạo từ, nghĩa của từ, từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm) đặc biệt là những vấn đề còn có nhiều ý kiến tranh luận, hoặc nhiều cách kiến giải khác nhau. Đồng thời, học phần còn giúp cho học viên hình thành, rèn luyện những kĩ năng phân tích, nhận diện và đánh giá các hiện tượng từ vựng, rèn luyện năng lực tư duy và sử dụng tiếng mẹ đẻ khi nói và viết. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các

học phần khác như *Việt ngữ học đại cương, Cấu tạo từ và vấn đề dạy học cấu tạo từ ở trường phổ thông, Thành ngữ học, Nghĩa học Việt ngữ,...*

8.17. Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề khái quát về ngữ pháp (đặc điểm, các bộ phận, lĩnh vực của ngữ pháp và quan hệ của nó với các bộ phận khác của ngôn ngữ); những vấn đề cụ thể của ngữ pháp tiếng Việt (từ loại, ngữ chính phụ, câu và các bình diện nghiên cứu câu). Học phần có sự nâng cao so với chương trình ở bậc đại học ở chỗ: học viên sẽ được tiếp cận với các phương pháp phân tích câu và những ưu, nhược điểm của từng phương pháp: theo cấu trúc chủ - vị (ngữ pháp truyền thống), theo cấu trúc vị từ - tham thể (ngữ pháp ngữ nghĩa), theo cấu trúc đề - thuyết (ngữ pháp chức năng), theo cấu trúc cái cho sẵn - cái mới (lí thuyết thông tin). Trên cơ sở đó, học viên có thể ứng dụng một cách hiệu quả trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với các học phần khác trong chương trình như: *Việt ngữ học đại cương, Cú pháp tiếng Việt, Dẫn luận ngữ pháp chức năng, Phân tích diễn ngôn.*

8.18. Những vấn đề thời sự của Ngữ dụng học (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản nhất về ngữ dụng học và ngữ dụng học tiếng Việt như sự ra đời của ngữ dụng học và dụng học Việt ngữ, chiếu vật và chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, lí thuyết lập luận, lí thuyết hội thoại, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn đồng thời cũng đưa ra một số vấn đề liên quan với ngữ dụng học trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời học phần cũng hình thành cho người học kĩ năng phân tích ngôn ngữ trong ngữ cảnh, kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong học tập, nghiên cứu và hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần khác như: *Việt ngữ học đại cương, Đọc hiểu văn bản trong nhà trường, Ngôn ngữ học tri nhận...*

8.19. Phong cách học - Những vấn đề từ lí thuyết đến thực tiễn tiếng Việt (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp các nội dung: Những vấn đề chung về Phong cách học, các hướng nghiên cứu của Phong cách học, vận dụng các thành tựu nghiên cứu vào xem xét các biểu hiện cụ thể của tiếng Việt trong các phong cách ngôn ngữ, đặc biệt là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, phân tích văn bản/ diễn ngôn nghệ thuật. Từ đó, người học vận dụng vào việc giải quyết các bài tập, tích lũy kiến thức cho công việc nghiên cứu và giảng dạy văn học, tiếng Việt. Môn học còn cung cấp cho người học các phương pháp nghiên cứu Phong cách học để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Môn học có liên quan trực tiếp đến các môn học khác trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ như: *Đọc hiểu văn bản trong nhà trường, Ngôn ngữ nghệ thuật, Phân tích diễn ngôn,...*

8.20. Việt ngữ học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản và nâng cao về các đơn vị tiếng Việt ở các cấp độ khác nhau: ngữ âm - âm vị học, từ vựng

học, ngữ pháp học và ngữ nghĩa học. Trên cơ sở đó, người học có một cái nhìn tổng thể về bức tranh Việt ngữ học nói chung đồng thời có khả năng giải thích những sự kiện ngôn ngữ cụ thể trong đời sống của người Việt. Học phần hình thành cho người học một số kỹ năng, thủ pháp phân tích, xử lý ở mức độ đơn giản những sự kiện ngôn ngữ cụ thể. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam: *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*.

8.21. Cú pháp tiếng Việt (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng nhất của cú pháp học hiện đại (khái niệm, thủ pháp phân tích, cách biểu diễn kết quả phân tích), từ đó áp dụng vào nghiên cứu những vấn đề của cú pháp tiếng Việt. Quan điểm được học phần lựa chọn là quan điểm của ngữ pháp ngữ nghĩa, áp dụng cho tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái. Học phần lấy cú (clause) làm đơn vị cú pháp cơ sở, từ đó tiến hành các thao tác phân tích câu. Một số vấn đề của cú pháp truyền thống sẽ được định vị lại trong khung ngữ pháp ngữ nghĩa. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với các học phần khác trong chương trình như: *Việt ngữ học đại cương, Nghĩa học Việt ngữ, Dẫn luận ngữ pháp chức năng, Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*.

8.22. Nghĩa học Việt ngữ (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng và hiện đại nhất của ngữ nghĩa học. Trên cơ sở đó, tiến hành phân tích ngữ nghĩa tiếng Việt, cả về nghĩa học từ vựng lẫn nghĩa học cú pháp. Học phần chú trọng phân biệt rõ các khái niệm *nghĩa* (meaning) và *ý nghĩa* (sense); phân biệt *năng biểu / sở biểu* với *cái biểu đạt / cái được biểu đạt*; *ý nghĩa* với *thông tin được truyền đạt*; *nghĩa từ vựng* với *nghĩa ngữ pháp*; *nghĩa của câu* với *nghĩa của phát ngôn*; *cách thức nghiên cứu nghĩa của câu* với *cách thức nghiên cứu nghĩa của phát ngôn*, v.v... Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích ý nghĩa của các đơn vị từ vựng, ý nghĩa của câu và phát ngôn trong tiếng Việt. Các tri thức và kỹ năng này sẽ là cơ sở giúp người học sau này khi ra trường có thể làm tốt những công việc được giao (giảng dạy, nghiên cứu, làm báo, làm biên tập ở các nhà xuất bản...). Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần khác như *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*.

8.23. Cấu tạo từ và dạy học cấu tạo từ ở phổ thông (2 tín chỉ)

Cấu tạo từ, xét ở mặt tĩnh, là cái đã có, đã tồn tại trong từ. Nhưng xét về mặt hoạt động, nó là kết quả của quá trình mà ngôn ngữ sử dụng các nguyên liệu sẵn có để tạo ra các từ nhằm đáp ứng các nhu cầu của giao tiếp. Vì thế, việc nghiên cứu cấu tạo từ, trước hết phải phát hiện chính các quá trình này, phát hiện được các nguyên liệu, và các phương thức sử dụng để tạo từ. Từ đó thấy rõ hiện nay phương thức nào không còn hoạt động và phương thức nào sức vận động còn mạnh. Từ kết quả nghiên cứu về cấu tạo từ, người học có năng lực xử lý các hiện tượng trung gian về kiểu cấu tạo đảm bảo tính khoa học và tính sư phạm, đồng thời, có kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học cấu tạo từ có hiệu quả ở trường

phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác như *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*.

8.24. Dẫn luận ngữ pháp chức năng (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng nhất của ngữ pháp chức năng hiện đại. Trên cơ sở quan điểm được tổng kết từ những nghiên cứu của Dik, Halliday và Cao Xuân Hạo, học phần hướng học viên áp dụng cách phân tích của ngữ pháp chức năng cho tiếng Việt nhằm thấy được những đặc điểm thực sự của một ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái. Học phần lấy kết cấu vị tính (predication) làm đơn vị cơ sở để phân tích câu, lần lượt trên các bình diện: cấu trúc (Structure), nghĩa (Meaning) và công dụng (Function). Các vấn đề của cú pháp truyền thống sẽ được định vị lại trong khung ngữ pháp chức năng. Đặc biệt, học phần hướng học viên vào những vấn đề tranh luận mà ngữ pháp chức năng đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm khơi gợi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của học viên. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam như *Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*, *Phân tích diễn ngôn*.

8.25. Phân tích diễn ngôn (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng nhất của phân tích diễn ngôn, bao gồm mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và hệ các vấn đề có liên quan đến phân tích diễn ngôn. Từ việc hiểu và nhận biết các khái niệm diễn ngôn, các đặc tính của diễn ngôn, các loại diễn ngôn, người học biết cách vận dụng lí thuyết và phương pháp phân tích diễn ngôn để thực hành tiếp nhận, phân tích, miêu tả khi nghiên cứu các bộ phận của diễn ngôn. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với các học phần khác trong chương trình như: *Nghĩa học Việt ngữ*, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, *Ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt*, *Những vấn đề thời sự của ngữ dụng học*.

8.26. Đọc hiểu văn bản trong nhà trường (2 tín chỉ)

Trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn, đọc hiểu văn bản chỉ là một nội dung mang tính kĩ thuật của môn Phương pháp dạy học. Bậc học Thạc sĩ, học phần Đọc hiểu văn bản sẽ trang bị cho người học những tri thức nền của đọc hiểu như *văn bản*, *các tầng nghĩa trong văn bản*, *chủ thể người đọc* để người học có năng lực xây dựng chiến lược đọc hiểu cho mình và năng lực tổ chức hoạt động đọc hiểu hiệu quả ở trường phổ thông. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho người học năng lực xây dựng chiến lược đọc hiểu văn bản, biết xác định mục đích, kế hoạch, kĩ thuật đọc hiểu, làm chủ các loại văn bản; năng lực tổ chức hoạt động đọc hiểu hiệu quả ở trường phổ thông và biết sử dụng sáng tạo các kĩ thuật đánh giá kết quả đọc hiểu văn bản. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam như *Ngôn ngữ và văn học*.

8.27. Một số khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cơ sở phương pháp luận, những đặc điểm chủ yếu của một số khuynh hướng cơ bản trong ngôn ngữ học hiện đại như miêu tả luận Mĩ, Ngữ vị học, cấu

trúc chức năng luận, ngữ pháp tạo sinh, ngữ pháp chức năng; gợi ý về những ứng dụng thực tiễn quan trọng của các khuynh hướng này vào việc nghiên cứu tiếng Việt.

8.28. Thành ngữ học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức mở rộng và nâng cao về thành ngữ tiếng Việt trên hai phương diện lí thuyết và thực tiễn sử dụng. Về phương diện lí thuyết, học phần đi sâu giới thiệu những vấn đề cốt lõi của thành ngữ tiếng Việt như nguồn gốc, đặc điểm cấu trúc - ngữ nghĩa, xem xét thành ngữ từ góc độ văn hóa. Về phương diện thực tiễn, học phần giúp người học nắm được một số cách thức sử dụng thành ngữ trong hoạt động giao tiếp. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho người học những kĩ năng cần thiết khi sử dụng thành ngữ trong hoạt động giao tiếp. Học phần có mối quan hệ mật thiết với học phần *Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*.

8.29. Ẩn dụ, hoán dụ ý niệm trong tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những tri thức về ẩn dụ, hoán dụ ý niệm: ý niệm và ý niệm hóa, bản chất, mô hình cấu trúc ẩn dụ, hoán dụ ý niệm; đặc điểm ý niệm miền nguồn - đích; phân loại ẩn dụ, hoán dụ ý niệm; tính hệ thống cấu trúc của những ẩn dụ và hoán dụ ý niệm; cơ chế tri nhận của các ẩn dụ, hoán dụ ý niệm; pha trộn ý niệm của các ẩn dụ, hoán dụ; tính phổ quát và tính đặc thù của cơ chế tri nhận ẩn dụ, hoán dụ; bức tranh ngôn ngữ về thế giới qua ẩn dụ và hoán dụ ý niệm. Từ đó, môn học hướng người học vào phân tích, giải mã và giảng dạy tác phẩm văn học theo những cơ chế tri nhận của ẩn dụ và hoán dụ - hai phương thức chuyển nghĩa cơ bản của tư duy. Môn học có liên quan trực tiếp đến các môn học khác trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ như: *Đọc hiểu văn bản trong nhà trường, Ngôn ngữ nghệ thuật, Nghĩa học Việt ngữ*.

8.30. Các chuyên đề nghiên cứu (12 tín chỉ)

Chuyên đề nghiên cứu là các học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng nghiên cứu. Thông qua thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, học viên tìm hiểu sâu các vấn đề mang tính nguyên lý liên quan đến lĩnh vực Ngôn ngữ Việt Nam, đồng thời phát triển những năng lực cần thiết để thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực được đào tạo. Mỗi học viên lựa chọn 03 chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Việt Nam, thực hiện nghiên cứu chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả nghiên cứu các chuyên đề có thể được phát triển thành luận văn tốt nghiệp.

8.31. Luận văn tốt nghiệp (12 tín chỉ)

Học viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu, kết quả được thể hiện bằng luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên; có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Ngôn ngữ Việt Nam.

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên.

- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

9.1.3. Khoa Ngữ văn

- Xây dựng và định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên.

9.1.4. Bộ môn Ngôn ngữ

- Phối hợp cùng Khoa và Phòng Đào tạo trong công tác quản lý, tổ chức đào tạo.

9.1.5. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.6. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. *Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo*

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. *Công bố chương trình đào tạo*

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. *Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG